

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2019/HS-ST
Ngày 10-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phùng Ngọc Tuấn**.

2. Bà **Trần Thị Hoài**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Lý Hồng Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2019/TLST - HS, ngày 05 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 815/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: TRẦN VĂN T (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 18 tháng 7 năm 1987, tại huyện B, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh H; Hiện nay bị cáo đang chung sống với Lương Thị T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh H. (chưa có đăng ký kết hôn). Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn S – Sinh năm: 1967; Con bà: Lý Thị Đ – Sinh năm: 1963; Vợ là Hà Thị S – Sinh năm 1992 (đã ly hôn năm 2015); Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Nhân thân: Tốt; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27-01-2019, hiện bị cáo đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H; Hôm nay có mặt.

2. Bị cáo: GIÀNG VĂN Q (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 28 tháng 10 năm 1999, tại huyện V, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng Văn T – Sinh năm: 1977; Con bà: Tô Thị Đ – Sinh năm: 1976; Vợ, con: Chưa có;

Nhân thân tốt: Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29-01-2019, hiện bị cáo đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H; Hôm nay có mặt.

3. Bị cáo: TRIỆU VĂN T (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 08 tháng 12 năm 1998, tại huyện V, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Văn T – Sinh năm: 1975; Con bà: Nông Thị H - Sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Không;

Nhân thân xấu: Tiền sự: 01 tiền sự. Năm 2018 Triệu Văn T bị Công an huyện V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh nhau với mức xử phạt là 750.000đ. Bị cáo đã nộp xong khoản tiền phạt nhưng chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính (BL số 159a)

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15-02-2019, hiện bị cáo đang tạm giam tại trại tạm giam Công an huyện tỉnh H; Hôm nay có mặt.

4. Bị cáo: SẼM VĂN H (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 27 tháng 6 năm 1994, tại huyện V, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Sẻm Văn H - Sinh năm 1971; Con bà: Dương Thị P - Sinh năm 1968; Vợ, con: Chưa có;

Nhân thân xấu; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 01 bản án số 14/2014/HSST ngày 23-9-2014 của TAND huyện H, tỉnh H xử phạt Sẻm Văn H 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, hiện bị cáo chưa đi chấp hành hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20-3-2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Hôm nay có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Sẻm Văn H: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1978; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. Hôm nay vắng mặt.

Bị hại:

1. Chị **Đặng Thị H**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

2. Anh **Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh H**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

Người bào chữa cho các bị hại Đặng Thị H, Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh H: Ông **Nguyễn Việt H**, sinh năm 1960; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. Hôm nay có mặt.

Người làm chứng:

1. Chị **Lương Thị T**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

2. Anh **Trần Văn D**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh T; Hôm nay vắng mặt.

3. Anh **Mua Mí H**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh H; Hôm nay vắng mặt.

4. Anh **Nguyễn Hồng H**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn Đ5, xã N, huyện V, tỉnh H; Hôm nay vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T, là người cùng thôn với Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh Hiêm, trú tại thôn T, xã V, huyện B. Ngày 06-08-2018 S có vay của T số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) hẹn một tháng sau sẽ trả cho T, quá hạn trả nợ T đòi S nhiều lần nhưng không được. Qua tìm hiểu T biết được S đang làm thuê ở xã H, huyện Đ, tỉnh H. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 26-01-2019 Trần Văn T thuê xe taxi BKS 19A - 159.47 của Nguyễn Hồng H, chở Trần Văn T, Hoàng Văn T, Giàng Văn Q, Sầm Văn H và Chu Đức S, đi lên huyện Đ gặp S để đòi nợ. Khi đến thị trấn T, huyện Q, tỉnh H, do bị say xe nên S xuống xe không đi nữa, còn lại T, T, Q, H tiếp tục đi. Khoảng 17 giờ cùng ngày thì đến ngã ba thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh H. Do đường nhỏ không đi được xe ô tô nên T thuê xe ôm của M chở T đi đến thôn C, xã S, huyện Đ tìm S để đòi tiền. Còn T, H, Q và H (*lái xe*) ngồi trên xe ô tô đợi. Khi tìm được S, T đòi tiền nhưng S không có trả nên T chửi, đe dọa, yêu cầu S phải cùng T đi về xã L, huyện V để chờ người nhà S đem tiền đến trả, nếu S không đi thì T sẽ gọi nhóm của T đến đánh. Lúc này T gọi điện cho T bảo T đe dọa S với mục đích để S theo T về, sau đó T đưa điện thoại của T để S nói chuyện với T. T dọa S nếu S không xuống sẽ bị cả nhóm lên đánh. Vì sợ bị đánh nên S phải đi theo T về, T tiếp tục thuê xe ôm của M và Sùng Mí M, mỗi người một xe chở T và S đến vị trí xe taxi đang đợi. Đến nơi Q mở cửa đẩy T lên xe rồi tất cả cùng nhau đưa S về. Khi đến thị trấn V thì H và T xuống xe và bảo cứ đưa S về nhà mai sẽ vào, khi đến xã L thì Q về quán cầm đồ của Phạm Trọng D, tại thôn B, xã L ngủ, còn T đưa S về nhà ở của T và Lương Thị T tại thôn N, xã L ngủ (*T là vợ của T nhưng chưa đăng ký kết hôn*). Khoảng 08 giờ ngày 27-01-2019 sau khi ăn sáng xong T đưa S đến quán của D, tại đây T bảo với Q và Triệu Văn T, cho S viết giấy vay nợ cả gốc và lãi là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), T lấy giấy, bút đưa cho S, S không biết chữ nên Q viết hộ và bắt S điểm chỉ vào giấy vay nợ. Quá trình ở tại quán của D thì T, Q, T thay nhau trông giữ S. Sau đó T và Q yêu cầu S gọi điện về nhà bảo người nhà mang tiền đến thì mới thả S về. S nhiều lần gọi điện cho Đặng Thị H (*là chị gái của S*) mang 30.000.000đ đến. Quá trình trao đổi qua điện thoại T và Q yêu cầu H mang tiền đến khu vực cổng chào xã L giao tiền thì sẽ thả S về. Sau đó Q và T đi xe mô tô BKS 23H1-128.15 đi trước, còn T đi xe mô tô BKS 23B1-398.58 chở S đi sau (*cách khoảng 100m*). Khi gặp H, H yêu cầu gặp S thì mới trả tiền, Q và T không đồng ý nên cả 03 người đưa S về quán của D. Không đòi được tiền nên Q dùng tay tát 02 phát vào mặt S, để cho S sợ bảo H mang tiền đến. Sau đó T, Q, T đưa S về nhà ở của T và T ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong T, Q, T lại đưa S đi ra quán cầm đồ thì gặp H và T đã ở quán. Q và H mỗi người điều khiển một xe mô tô ra khu vực cổng chào xã L để gặp H lấy tiền còn T, T, T đưa S về nhà ở của T và T. Khi gặp H do H yêu cầu được gặp S thì mới trả tiền, Q và H

không đồng ý nên lại quay về. Do không lấy được tiền của H nên T dùng tay đâm vào ngực S và lấy điện thoại của S ném xuống ghế làm điện thoại bị vỡ. Sau đó H đến nhà ở của T và T, nói với T chị H muốn gặp để nói chuyện, T đồng ý, H đi xe mô tô ra chỗ H đang đợi, đưa H về nhà T để gặp T. Tại nhà T, T yêu cầu H trả 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*), khi đang giao tiền thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang.

Tại Kết luận giám định số: 108/KL-PC09 ngày 29-01-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận: Số tiền 18.000.000đ gửi giám định đều là tiền thật (BL số 41).

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 07-5-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V định giá: 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI, màu sơn bạc, hiện tại không sử dụng được, màn hình cảm ứng đã bị rạn nứt, thân bị cong vênh có giá trị là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) (BL số 65).

Về phần dân sự: Ngày 20-5-2019 phía gia đình các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại Đặng Thị H và Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh H iệm với số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), trong đó bồi thường cho bị hại H số tiền 10.000.000đ, bị hại S số tiền 15.000.000đ. Sau khi nhận đủ tiền các bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 23B1-398.58 nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu Đen bạc; 01 điện thoại di động Iphone 5, màu trắng; (thu của H)
- 01 điện thoại di động FPT, vỏ màu đen, bàn phím màu trắng; (thu của T)
- 01 điện thoại màn hình cảm ứng đã bị rạn nứt, thân bị cong vênh, nhãn hiệu MI, vỏ màu sơn bạc. (Tài sản của S)

(*Số vật chứng đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện V quản lý ngày 05-07-2019*).

- Số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*);
- 01 xe ô tô biển kiểm soát 19A-159.47, nhãn hiệu Hyundai, màu sơn Bạc, loại xe i10.

Quá trình điều tra xác định số tiền và chiếc xe nêu trên là tài sản của Đặng Thị H và Hà Mạnh T, nên ngày 19-4-2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 59 đến 60).

Đối với vật chứng là 01 tờ giấy ghi S vay của T số tiền 30.000.000đ, sau khi S ký Q đã đưa cho T, sau đó T đánh rơi ở đâu không rõ. Ngày 11/5/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện V tiến hành truy tìm nhưng không thấy (BL số 66a).

Tại cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H. Quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 157 BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H khai nhận vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 26-01-2019 Trần Văn T cùng Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H thuê xe taxi của Nguyễn Hồng H, đi lên huyện Đ tìm Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh H iệm, mục đích đòi số tiền S vay

là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) do Trần Văn T khởi sướng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày T, T, Q, H đã có hành vi bắt S đưa về nhà ở của bị cáo T và Lương Thị T tại Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh H. Ngày 27-01-2019 Trần Văn T, Giàng Văn Q, Sầm Văn H, Triệu Văn T, tiếp tục cùng nhau bắt, giữ S tại nhà Lương Thị T và quán cầm đồ của Phạm Trọng D. Sau đó cùng nhau đe dọa, yêu cầu S viết giấy nhận nợ số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), đồng thời đe dọa, yêu cầu Đặng Thị H mang số tiền 30.000.000đ lên trả nợ cho S. Khi H đang giao số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) cho T tại nhà ở của T và T thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang.

Bị hại Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh H trình bày, S có vay của Trần Văn T số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), đã trả 5.000.000đ, số còn lại do chưa có tiền trả thì bị Tư, Q, T, H bắt ép về tại xã L, từ tối ngày 26-01-2019 đến ngày 27-01-2019, T, Q, H, T, T cùng nhau bắt, giữ S tại nhà ở của T, T và quán cầm đồ của Phạm Trọng D, địa điểm tại thôn N, xã L, huyện V. Các bị cáo cùng nhau đe dọa, đánh yêu cầu S viết giấy nhận nợ số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), đồng thời yêu cầu Đặng Thị H chị gái của S mang số tiền 30.000.000đ lên trả nợ cho S. Khi chị H đang giao số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) cho T tại nhà ở của T và T thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Quá trình điều tra T, Q, H, T đã bồi thường trách nhiệm dân sự, nay không yêu cầu bồi thường, đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Bị hại Đặng Thị H trình bày do em trai Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh Hiêm có nợ tiền của T, do S chưa có tiền trả, đã bị T, Q, H, T bắt, giữ tại nhà ở của T và T yêu cầu chị H mang tiền lên trả, số tiền 30.00.000đ mới cho S về. Chị H mới có 18.000.000đ mang lên đưa cho T để S được thả về thì cơ quan chức năng bắt giữ. Quá trình điều tra các bị cáo đã bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại, đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của các bị cáo; lời khai của các bị hại, người bào chữa, lời khai của người làm chứng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V Tuyên đề nghị với HĐXX tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, theo khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 157 BLHS.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 58; Điều 55; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 15 tháng đến 20 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp chung hình phạt của hai tội có mức hình phạt từ 22 tháng đến 29 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 27-01-2019.

Đề nghị xử phạt bị cáo Giàng Văn Q từ 14 tháng đến 16 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái

pháp luật". Tổng hợp chung hình phạt của hai tội có mức hình phạt từ 21 tháng đến 25 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 29-01-2019.

Đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 12 tháng đến 14 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Tổng hợp chung hình phạt của hai tội có mức hình phạt từ 20 tháng đến 22 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 15-02-2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 157; Điều 58; Điều 17; Điều 55; Điều 56; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Sầm Văn H từ 13 tháng đến 15 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Tổng hợp chung hình phạt của hai tội có mức hình phạt từ 19 tháng đến 23 tháng tù. Và tổng hợp với bản án số: 14/2014/HSST ngày 23-9-2014 của TAND huyện H, tỉnh H đã xử bị cáo Sầm Văn H 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Tổng hợp chung hình phạt của hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành. Thời hạn chấp hành án phạt tù, tính từ ngày bị cáo H bị bắt ngày 20-03-2019.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại S, H đã nhận đủ số tiền bồi thường không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước những vật chứng là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội:

- 01 điện thoại di động FPT, vỏ màu đen, bàn phím màu trắng (của bị cáo Tư);

Trả lại số tài sản:

- Trả lại cho bị cáo Hường: 01 điện thoại di động Iphone 5, màu trắng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 23B1-398.58 nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu Đen bạc.

- Trả lại cho bị hại Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh Hiêm: 01 điện thoại màn hình cảm ứng đã bị rạn nứt, thân bị cong vênh, nhãn hiệu MI, vỏ màu sơn bạc.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 05-07-2019).

Về án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại, người bào chữa theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phần tranh luận:

Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1978; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H, là người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Sầm Văn H hôm nay vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa thay mặt hội đồng xét xử công bố bài luận cứ bào chữa, của người bào chữa: Việc các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Sầm Văn H phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" và

tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, theo khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 157 BLHS, như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội. Các bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; đã bồi thường cho các bị hại khắc phục hậu quả, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo thuộc dân tộc ít người sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình làm nông nghiệp thu nhập không ổn định.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 157; Điều 58; Điều 55; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 14 tháng đến 16 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp chung hình phạt của hai tội, buộc bị cáo T phải chấp hành hình chung. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

Đề nghị xử phạt bị cáo Giàng Văn Q từ 14 tháng đến 16 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và từ 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp chung hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Q phải chấp hành hình chung. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 157; Điều 58; Điều 55; Điều 56; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Sầm Văn H từ 12 tháng đến 14 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và từ 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp chung hình phạt của hai tội, buộc bị cáo H phải chấp hành hình chung và hình phạt chung của hai bản án.

Ông **Nguyễn Việt H** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. *Người bào chữa cho các bị hại Đặng Thị H, Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh Hiêm*: Có quan điểm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra truy tố đối với các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, theo khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 157 BLHS là đúng người, đúng tội. Các bị cáo đã thực hiện hành vi khống chế, đe dọa, đánh người bị hại để cưỡng đoạt tài sản bằng hình thức yêu cầu bị hại nộp tiền, chuộc người đang bị bắt, giữ. Đã làm cho bị hại, bị thiệt hại về tài sản, xâm phạm quyền được bảo vệ về tài sản của người khác và bắt, giữ người khác trái pháp luật đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của công dân. Đã xâm phạm đến các quy định về bắt, giam, giữ người được quy định trong bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị HĐXX xử các bị cáo T, T, Q, H mức hình phạt nghiêm minh theo quy định. Về trách nhiệm dân sự các bị cáo đã bồi thường, các bị hại H, S không đề cập giải quyết do vậy không đề nghị Hội đồng xem xét trách nhiệm dân sự

Quan điểm không đồng tình với quan điểm người bào chữa cho bị cáo H, đề nghị cần áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS tình tiết tái phạm, vì bị cáo H chưa được xóa án tích nhưng phạm tội mới, như Kiểm sát viên đưa ra tại phiên tòa mới đúng.

Các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa đưa ra tại phiên tòa, không có ý kiến khác.

Quyền nói lời sau cùng: Các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H đề nghị xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam đối với các bị can, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H khai nhận vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 26-01-2019 Trần Văn T đã rủ Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H thuê xe taxi của Nguyễn Hồng H, đi lên huyện Đ tìm Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh H, để đòi nợ số tiền S vay là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) do Trần Văn T khởi sừng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày T, T, Q, H đã có hành vi bắt, giữ S đưa về nhà ở của T và Lương Thị T, tại Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh H. Ngày 27-01-2019 T, Q, H, T thay nhau giữ S tại nhà T ở cùng Th và quán cầm đồ của Phạm Trọng D, tại thôn Ng, xã L, huyện V. Sau đó các bị cáo cùng nhau đe dọa, đánh yêu cầu S viết giấy nhận nợ số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), đồng thời yêu cầu Đặng Thị H mang số tiền 30.000.000đ lên trả nợ cho S. Khi H đang giao số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) cho T tại nhà Lương Thị Th thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Lời nhận tội của các bị cáo trước phiên tòa phù hợp với bản cáo trạng đã công bố, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản hiện trường, sơ đồ hiện trường, phù hợp kết luận giám định vật chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H là những người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo T, Q, T, H đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với số tiền 18.000.000đ bằng việc bắt, giữ bị hại Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh H để uy hiếp tinh thần bị hại Đặng Thị H mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm hại đến hai khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ là

quyền nhân thân và quan hệ sở hữu. Do vậy HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Là phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên đưa ra tại phiên tòa.

Khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự quy định.

"1. Người nào đe dọa dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm".

Các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H đã thực hiện hành vi bắt, giữ bị hại Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh H trái pháp luật, với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của công dân và xâm phạm đến các quy định về bắt, giam, giữ người được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Do vậy HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Là phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên đưa ra tại phiên tòa.

Khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự quy định.

"1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Sầm Văn H có 01 tiền án: Tại bản án số 14/2014/HSST ngày 23-9-2014 của TAND huyện H xử phạt Sầm Văn H 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, chưa được xóa án tích cần áp dụng tình tiết tăng nặng, tái phạm đối với bị cáo H, khi lượng hình theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đồng tình với quan điểm của người bào chữa cho các bị hại, vì người bào chữa cho bị cáo H không đề nghị áp dụng tình tiết tái phạm tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Triệu Văn T bị Công an huyện V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh nhau với mức xử phạt là 750.000đ. QĐ số 77/QĐ-XPHC ngày 01-11-2018 Bị cáo đã nộp xong khoản tiền phạt nhưng chưa được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính (BL số 159a) là tình tiết xem xét khi lượng hình phạt đối với bị cáo T.

Bị cáo T, Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại cho các bị hại; các bị cáo đều là dân tộc ít người sống ở vùng đặc biệt khó khăn thuộc diện trợ được giúp pháp lý, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là 03 tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội:

Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội đã không chể, đe dọa, đánh người bị hại S để yêu cầu bị hại H nộp tiền, chuộc bị hại S đang bị bắt, giữ. Đã làm cho bị

hại, bị thiệt hại về tài sản, xâm phạm quyền được bảo vệ về tài sản của người khác. Việc các bị cáo bắt, giữ người khác trái pháp luật đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của công dân và xâm phạm đến các quy định về bắt, giam, giữ người được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong vụ án này có đồng phạm tham gia. Bị cáo Trần Văn T là người chủ mưu khởi sự rủ rập Q, T, T, H cùng tham gia bắt, giữ bị hại Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh H từ huyện Đ về giữ tại nhà ở của T, Th và quán cần đồ của D, địa điểm tại thôn N xã L, huyện V. Mục đích yêu cầu bị hại Đặng Thị H mang tiền đến nộp thì cho S về, nên cần có mức án cao nhất trong vụ án.

Bị cáo Giàng Văn Q đã đồng tình tham gia, khi T rủ rập và cùng các bị cáo T, H bắt, giữ bị hại Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh H. Mục đích yêu cầu bị hại Đặng Thị H mang tiền đến trả thì cho S về, Q cùng T, H giúp T trông giữ bị hại S, Q còn đánh bị hại S tại quán cần đồ và đứng ra giao dịch với bị hại H để yêu cầu nộp tiền, là người giúp sức tích cực đứng thứ hai trong vụ án.

Bị cáo Sầm Văn H và Triệu Văn T đã đồng tình tham gia khi T rủ rập và cùng bị cáo Q, T bắt, giữ bị hại S. Mục đích yêu cầu bị hại Đặng Thị H mang tiền đến chuộc bị hại S, là những người đồng phạm giúp sức tích cực trong vụ án.

Do các bị cáo T, Q, T, H sống không tuân thủ pháp luật, muốn có tiền để tiêu sái cá nhân bất hợp pháp, đã thực hiện hành vi phạm tội của mình bắt, giữ người trái pháp luật, nhằm cưỡng đoạt tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, gây lo lắng trong quần chúng nhân dân là nguy hiểm cho xã hội. Do vậy cần thiết phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án nghiêm minh. Tương xứng với vai trò đồng phạm của từng bị cáo tham gia trong vụ án, cần cách ly các bị cáo trong trại cải tạo một thời gian nhất định, để có tác dụng giáo dục, rèn luyện các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung loại tội phạm này, phù hợp quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa.

Xét thấy các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H thuộc diện sống vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn về kinh tế do vậy không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo trong vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại S, H đã nhận đủ số tiền bồi thường không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[7] Về vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Những vật chứng là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội:

- 01 điện thoại di động FPT, vỏ màu đen, bàn phím màu trắng;

Trả lại số tài sản:

- 01 điện thoại di động Iphone 5, màu trắng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 23B1-398.58 nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu Đen bạc. Trả lại cho bị cáo H.

- 01 điện thoại màn hình cảm ứng đã bị rạn nứt, thân bị cong vênh, nhãn hiệu MI, vỏ màu sơn bạc. Trả lại cho bị hại Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh H.
(Theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 05-07-2019).

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 59 đến 60) Đặng Thị H số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*); trả Hà Mạnh T 01 xe ô tô biển kiểm soát 19A-159.47, nhãn hiệu Hyundai, màu sơn Bạc, loại xe i10 ngày 19-4-2019. HĐXX xét thấy là phù hợp theo quy định, các chủ sở hữu đã nhận đủ tài sản và không có yêu cầu xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 theo Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo T, Q, H.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, các bị hại, người bào chữa theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong vụ án:

Đối với Hoàng Văn T, đã cùng các bị cáo T, Q, H bắt, giữ người trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra T đã bỏ trốn không có mặt ở địa phương. Ngày 26-3-2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ban hành Quyết định truy nã số 01 đối với T. Do đã hết thời hạn điều tra nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 02 ngày 14-6-2019 đối với hành vi của T để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật (BL số 19).

Đối với Lương Thị Th, sinh năm 1987 (*là vợ nhưng chưa đăng ký kết hôn*), trú tại Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh H là người chứng kiến việc T cho S vay tiền và T giữ S tại nhà mình nhưng Th không tham gia cùng T cho S vay tiền hay giúp sức với T trong việc bắt, giữ S để đòi tiền nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý (BL số 354 đến 361).

Đối với Chu Đức S, sinh năm 1991, trú tại thôn R, xã N, huyện V, tỉnh H là người đã cùng các bị cáo T, T, Q, H đi lên huyện Đ. Khi đi đến thị trấn T, huyện Q thì S đã xuống xe không đi cùng mọi người nên không biết sự việc xảy ra như thế nào. Do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý (BL số 383 đến 384).

Đối với Nguyễn Hồng H, sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh H là người lái xe taxi thuê chở T, Q, T, H đi lên huyện Đ sau đó lại chở mọi người về xã L với giá 3.000.000đ. H không biết và không tham gia vào việc bắt giữ S nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý (BL số 397 đến 402).

Đối với Phạm Trọng D, sinh năm 1987, trú tại thôn X, xã L, huyện V, tỉnh H là chủ quán cầm đồ, khi T, Q, T đưa S về quán của D sau đó ép S ký vào giấy vay tiền tại quán của D, D không có mặt ở quán nên không biết. Do vậy cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý (BL số 362 đến 363).

Đối với bị cáo Trần Văn T khi đòi tiền S không được nên đã ném chiếc điện thoại của S xuống ghế làm điện thoại bị vỡ, hỏng theo định giá là 1.000.000đ. Hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của T chưa đến mức để truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 58 ngày 14-6-2019 với mức phạt là 3.000.000đ (BL số 410).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh và hình phạt:

* Tuyên các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Triệu Văn T, Sầm Văn H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 157; Điều 58; Điều 55; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 15 (mười năm) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và 07 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù, tính từ ngày bị cáo T bị bắt ngày 27-01-2019.

Xử phạt bị cáo Giàng Văn Q 14 (mười bốn) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội: 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù, tính từ ngày bị cáo Q bị bắt ngày 29-01-2019.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 12 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù, tính từ ngày bị cáo T bị bắt ngày 15-02-2019.

* Áp dụng khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 157; Điều 58; Điều 55; Điều 56; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Sầm Văn H 13 (mười ba) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội là: 19 (mười chín) tháng tù và tổng hợp tiếp với 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" của bản án số: 14/2014/HSST ngày 23-9-2014 TAND huyện H, tỉnh H xử phạt bị cáo Sầm Văn H. Tổng hợp chung hình phạt của hai bản án, buộc bị cáo Sầm Văn H phải chấp hành hình phạt tù: 04 (bốn) năm 07(bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù, tính từ ngày bị cáo H bị bắt ngày 20-03-2019.

Về vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

* *Tịch thu sung công quỹ nhà nước:* 01 điện thoại di động FPT, vỏ màu đen, bàn phím màu trắng.

*** Trả lại số tài sản:**

Trả lại cho bị cáo Sầm Văn H gồm: 01 điện thoại di động Iphone 5, màu trắng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 23B1-398.58 nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu Đen bạc.

Trả lại cho bị hại Thôn H, xã Hồ Q, huyện Đ, tỉnh H: 01 điện thoại màn hình cảm ứng đã bị rạn nứt, thân bị cong vênh, nhãn hiệu MI, vỏ màu sơn bạc.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 05-07-2019).

Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12; Điều 14; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Các bị cáo Trần Văn T, Giàng Văn Q, Sầm Văn H được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Triệu Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Báo cho các bị cáo, các bị hại, người bào chữa có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10-9-2019). Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện V;
- VKSND tỉnh H;
- Công an huyện V;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Thi hành án huyện V;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Anh Luyện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)